TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2026/HS-ST
Ngày : 12/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Hiền Thục

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoàng Sơn - Kiểm sát viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao H - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trương Ngọc Á (tên gọi khác: H1), sinh ngày 18 tháng 5 năm 2000 tại tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); Căn cước công dân số: 070300005491; Nơi đăng kí thường trú: Khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Viết S và bà Trung Minh L; Chồng, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2025.

2. Nguyễn Đình T, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2001 tại tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); Căn cước công dân số: 070201005396; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thái B và bà Nguyễn Thị Kim T1; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2024.

3. Bùi Thái M, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1999 tại Quảng Ngãi; Căn cước công dân số: 051099005596; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quãng Ngãi; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn L1 và bà Đỗ Thị S1; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2024.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Á:* Ông Trần Ngọc H2 – Luật sư thuộc Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Bà Nguyễn Ngọc T2 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hồ Trung H3 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị S1, sinh năm 1973; Thường trú: Thôn A, xã A, tỉnh Quãng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ ngày 18/3/2024, Công an quận T kiểm tra hành chính các tuyến đường, khi đến trước nhà số C T, Phường A, quận T phát hiện Đỗ Đình D có biểu hiện nghi vấn nên Cơ quan công an tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ 0,1879 gam Cần sa. D khai nguồn gốc số ma túy cần sa này là mua của Bùi Thái M.

Mở rộng điều tra, vào lúc 11 giờ 25 phút ngày 19/3/2024, tại trước nhà số B B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Công an bắt quả tang Bùi Thái M cất giữ 260,1941 gam ma túy cần sa trong túi xách. M khai nhận số ma túy nêu trên là của Nguyễn Đình T đưa cho M đang trên đường đem ma túy đi giao cho người mua theo chỉ đạo của Trương Ngọc Á.

Vào lúc 14 giờ 35 phút ngày 19/3/2024, Cơ quan Công an tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Đình T tại nhà số C Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ ma túy 3.736,81 gam ma túy cần sa.

Ngày 23/12/2025, Trương Ngọc Á đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (PC03) để đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Ngọc Á, Nguyễn Đình T và Bùi Thái M thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận:

Trương Ngọc Á khai nhận: Khoảng đầu năm 2023, Á sử dụng ứng dụng Telegram vào các nhóm để mua ma túy loại Cần sa đem về bán kiếm lời. Á thường đặt mua mỗi lần từ 01 đến 03 kilogam Cần sa từ nhiều người không rõ lai lịch. Sau khi Á thanh toán tiền mua ma túy bằng hình thức trả tiền mặt, người bán vận chuyển ma túy đến chỗ ở của Nguyễn Đình T tại địa chỉ số C Q,

Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. T có nhiệm vụ cất giữ ma túy rồi phân chia thành các đơn giao hàng cho người mua theo yêu cầu của Á. Tiếp theo, Á đặt người vận chuyển đến chỗ ở của T để lấy gói Cần sa đi giao hoặc T tự đặt người vận chuyển trên ứng dụng giao hàng L2. Người mua sẽ chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Á hoặc đưa tiền mặt để T đem về giao lại cho Á. Nếu có khách đặt hàng từ 08 đến 09 kilogam Cần sa thì Á sẽ trả công cho T số tiền từ 12.000.000 đồng đến 12.500.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền từ ví điện tử Momo số 0379266964 đến ví điện tử Momo số 0396986962 của T. Đối với Bùi Thái M có nhiệm vụ đi giao ma túy cho người mua, M đã phụ giúp Ánh giao thành công 02 đơn hàng và được trả công 200.000 đồng. Sau đó, M làm việc trực tiếp với T về các đơn giao hàng.

Ngày 19/3/2024, sau khi biết T và M bị Công an phát hiện và bắt giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Á đã vất bỏ sim điện thoại và đổi điện thoại. Hiện Á không còn lưu giữ thông tin các đơn hàng Cần sa đã bán. Sau khi Cơ quan Công an kiểm tra dữ liệu được trích xuất từ điện thoại của Nguyễn Đình T thì Á xác nhận đã gửi cho T tổng cộng 483 đơn hàng với tổng khối lượng là 24.786 kilogam cần sa và T đã giao thành công cho người mua. Số ma túy cần sa có khối lượng 3.726,81 mà Công an thu giữ tại nhà T là của Á giao cho T để T cất giữ chờ phân chia bán cho người mua theo chỉ đạo của Á. Ánh thu lời 1.239.300.000 đồng, trong đó trả công cho T khoảng 47.620.000 đồng.

Nguyễn Đình T khai nhận: Năm 2024, Á liên hệ đề nghị T hỗ trợ trong việc mua bán ma túy, T đồng ý tham gia. Ánh cung cấp cho T các dụng cụ dùng để phân chia ma túy, bao gồm: Máy hàn bọc nylon, cân tiểu ly và bịch nylon, H4 tuần, Á cho người vận chuyển giao cho T từ 02 đến 03 kilogam cần sa. Khi có khách đặt mua, Á sẽ gửi thông tin người mua cho T, bao gồm: Họ tên, địa chỉ, số điện thoại và khối lượng cần sa cần giao. Sau đó, T phân chia cần sa và chờ người vận chuyển của Á đến nhận ma túy tại nhà T hoặc T tự đặt người vận chuyên qua ứng dụng giao hàng L2. Việc mua bán ma túy cụ thể giữa Á và khách hàng như thế nào thì T không rõ. Sau mỗi lần giao ma túy thành công, Á trả công cho T 1.500.000 đồng, tổng số tiền thu lợi từ việc phụ giúp Á bán ma túy là 47.620.000 đồng.

Ngoài ra, T còn mua lại cần sa từ Á để bán cho nhiều người không rõ lai lịch nhưng T không nhớ rõ thời gian cụ thể cũng như khối lượng cần sa đã bán. Trong đó, T xác định đã bán cho Bùi Thái M (người giao hàng ma túy cho Á) 02 lần vào các ngày 14/3/2024 và 18/3/2024 với tổng khối lượng 04 gam Cần sa, M chưa trả tiền mua ma túy 02 lần này cho T.

Ngày 19/3/2024, T nhắn tin cho M đến nhà T để lấy cần sa mang đi giao cho khách của Á. Tại đây, T đưa cho M một gói nylon chứa C (T không nhớ rõ khối lượng). Số ma túy cần sa còn lại có khối lượng 3.736,81 gam được T cất giữ để tiếp tục chia đơn giao cho người mua nhưng chưa kịp giao thì bị Cơ quan Công an khám xét và bắt quả tang.

Bùi Thái M khai nhận: Mỹ là người được Trương Ngọc Á thuê đi giao ma túy. Khi có người đặt mua ma túy, Á yêu cầu M đến nhà của Nguyễn Đình T để nhận ma túy mang đi giao. Với mỗi đơn hàng Mỹ được Á trả công từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng. M chỉ có nhiệm vụ giao ma túy cho người mua, không trực tiếp trao đổi, không rõ khối lượng ma túy của những lần giao. Ngày 19/3/2024, theo chỉ đạo của Á, M tiếp tục đến nhà của T để lấy ma túy đã được T đóng gói sẵn mang đi giao theo địa chỉ mà Á cung cấp. Khi đến địa chỉ số B B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì Mỹ bị Công an quận T kiểm tra phát hiện trong túi đeo chéo có chứa 260,1941 gam Cần sa.

Ngoài ra, M còn 02 lần mua ma túy của Nguyễn Đình T rồi bán lại cho Đỗ Đình D để kiếm lời. Lần thứ nhất vào ngày 14/3/2024, M đến nhà Nguyễn Đình T mua 02 gam cần sa rồi bán lại cho Đỗ Đình D với giá 350.000 đồng. Lần thứ hai vào ngày 18/3/2024, M tiếp tục đến nhà của T mua 02 gam cần sa rồi bán lại cho Đỗ Đình D với giá 350.000 đồng. Cả hai lần D đều thanh toán bằng phương thức chuyển tiền từ tài khoản số 0356997294 (Ngân hàng M3, do D đứng tên) đến tài khoản số 19033043309011 (Ngân hàng T3, do M đứng tên).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành trưng cầu giám định, trích xuất, phục hôi dữ liệu trong điện thoại của Nguyễn Đình T và Bùi Thái M. Kết quả xác định số ma túy mà Trương Ngọc Á giao cho Nguyễn Đình T phân chia và bán thành công cho người mua có tổng khối lượng 24.786 kilogam cần sa. Riêng đối với điện thoại của Mỹ không phát hiện được dữ liệu nào thê hiện khối lượng Cần sa mà M nhận từ N.

Toàn bộ số ma túy trong vụ án được thể hiện tại Kết luận giám định số 3843 ngày 29/3/2024 của Phòng K Công an Thành phố H.

Đối với những người bán ma túy cho Á không rõ lai lịch nên cp quan điều tra tiếp tục truy xét, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Đỗ Đình D mua ma túy của Bùi Thái M về sử dụng, khám xét thu giữ ma túy cần sa có khối lượng 0,1879 gam, không đủ định lượng xử lý về tội "Tàng trữ pháp chất ma túy" nên Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt hành chính đối với D về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Vật chứng vụ án:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave đỏ đen xám, biển số 76U1-165.84 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ đen thu giữ của Bùi Thái M.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12pro màu đen thu giữ của Nguyễn Đình T.

- 01 thùng giấy và 02 thùng xốp được niêm phong là mẫu vật còn lại sau giám định.

Tại bản cáo trạng số 651/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 06 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Các bị cáo Trương Ngọc Á và Nguyễn Đình T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Bùi Thái M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo M và bị cáo Á có công với cách mạng, ông ngoại của bị cáo M là liệt sỹ, bà nội của bị cáo Á tham gia lực lượng thanh niên xung phong từ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ từ tháng 02/1966 đến tháng 4/1973, bị cáo Á sau khi phạm tội đã ra đầu thú, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trương Ngọc Á mức án từ 16 năm đến 17 năm tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Đình T mức án từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Thái M mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra bị cáo Á khai nhận thu lợi số tiền 1.239.300.000 đồng, bị cáo T thu lợi số tiền 47.620.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình xét hỏi, làm rõ tại phiên tòa xác định số tiền bị cáo Á thu lợi bất chính được là 145.000.000 đồng, bị cáo T thu lợi số tiền 38.000.000 đồng.

- Bị cáo M thu lợi số tiền 200.000 đồng từ hành vi bán ma túy giúp bị cáo Á và 700.000 đồng từ việc bán ma túy cho Đỗ Đình D. Do đó cần buộc bị cáo nộp lại tổng cộng 900.000 đồng tiền thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Ý kiến của Luật sư:

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Á trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Luật sư nêu bổ sung tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 do bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan công an trong giai đoạn điều tra. Từ đó, luật sư đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt bị Viện kiểm sát truy tố.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Luật sư nêu bổ sung tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 do bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan công an trong giai đoạn điều tra, khai ra bị cáo Á. Từ đó, luật sư đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt bị Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Việc các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của bản thân và các bị cáo liên quan đã được áp dụng tại tình tiết "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; do đó đại diện Viện kiểm sát không đồng ý đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như đề nghị của các luật sư.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Trương Ngọc Á có hành vi đặt mua ma túy, giao đến nơi ở của bị cáo Nguyễn Đình T để T trực tiếp phân chia thành các gói ma túy có khối lượng theo yêu cầu của người mua. Sau khi khách trả tiền cho Á thì bị cáo T hoặc bị cáo Bùi Thái M đi giao. Khối lượng ma túy các bị cáo đã bán và cất giấu nhằm mục đích kiếm lời cụ thể như sau:

- Từ ngày 18/3/2024 đến ngày 19/3/2024, bị cáo Á đã giao cho bị cáo T bán thành công 24,786 kilogam ma túy cần sa cho khách nhằm mục đích kiếm lời.

- Ngày 19/3/2024, bị cáo Bùi Ngọc M1 nhận 260,1941 gam ma túy cần sa từ bị cáo T theo chỉ đạo của Á để đi giao cho khách lấy tiền công thì bị công an kiểm tra bắt quả tang.

- Thu giữ tại nơi ở của bị cáo T 3.736,81 gam ma túy cần sa có nguồn gốc là của bị cáo Á đưa nhằm bán kiếm lời.

- Bị cáo M1 còn có hành vi 02 lần mua ma túy cần sa (mỗi lần 02 gam) từ bị cáo T bán cho Đỗ Đình D nhằm mục đích kiếm lời.

Vì vậy, bị cáo Trương Ngọc Á và Nguyễn Đình T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng 28,787 kilogam ma túy cần sa (gồm 24.786 kilogam ma túy cần sa bị cáo Á giao cho bị cáo T bán thành công cho người mua; ma túy cần sa ma túy bị cáo Á giao cho bị cáo T cất giấu để chờ bán theo chỉ đạo của Á; 260,1941 gam ma túy cần sa thu giữ của bị cáo Bùi Thái M, 04 gam ma túy cần sa bị cáo T bán cho bị cáo M); bị cáo Bùi Thái M phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy cần sa là 264,1941 gam.

Hành vi của bị cáo Trương Ngọc Á và Nguyễn Đình T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thuộc trường hợp "Cần sa có khối lượng từ 25 kilogam đến dưới 75 kilogam", là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Bùi Thái M đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị nhưng do tư lợi cá nhân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Xét đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, bị cáo T và Mỹ nhận, đi giao ma túy khi bị cáo Á yêu cầu với mục đích kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần làm giảm tội phạm ma túy đang có chiều hướng gia tăng như hiện nay.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Á và bị cáo T đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo M và bị cáo Á có công với cách mạng, ông ngoại của bị cáo M là liệt sỹ, bà nội của bị cáo Á tham gia lực lượng thanh niên xung phong từ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ từ tháng 02/1966 đến tháng 4/1973, bị cáo Á sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tương ứng với từng bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với phần bào chữa của các luật sư cho bị cáo Á và bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy các luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là "Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, xét hỏi, làm rõ tại phiên tòa xác định bị cáo Á chỉ thu lợi bất chính số tiền 145.000.000 đồng, bị cáo T thu lợi số tiền 38.000.000 đồng nên buộc các bị cáo nộp lại số tiền trên để thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo M thu lợi số tiền 200.000 đồng từ hành vi bán ma túy giúp bị cáo Á và 700.000 đồng từ việc bán ma túy cho Đỗ Đình D nên buộc bị cáo M nộp lại số tiền 900.000 đồng để thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 thùng giấy và 02 thùng xốp được niêm phong là mẫu vật còn lại sau giám định là những vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave đỏ đen xám, biển số 76U1-165.84 thu giữ của bị cáo M. Qua xác minh, chủ sở hữu xe là bà Đỗ Thị S1 (mẹ bị cáo). Bà S1 tình bày cho bị cáo mượn xe làm phương tiện đi làm, bà không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo. Bà S1 có yêu cầu được nhận lại xe. Xét thấy yêu cầu của bà S1 là có căn cứ nên chấp nhận, trả lại chiếc xe trên cho bà S1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12pro màu đen thu giữ của bị cáo T và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ đen thu giữ của bị cáo M, xét thấy các bị cáo dùng điện thoại vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Trương Ngọc Á 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2025.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: N (mười lăm) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Bùi Thái M 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Trương Ngọc Á nộp lại số tiền 145.000.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng sung, nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T nộp lại số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng sung, nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Bùi Thái M nộp lại số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng sung, nộp ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 thùng giấy niêm phong bên ngoài có ghi số vụ 1155/24, có vân tay, chữ ký tên Bùi Thế M2, hình dấu mộc Công an P, quận T và chữ ký của thiếu tá Trần Đình H5 – cán bộ thuộc Cơ quan CSĐT Công an T; 01 thùng xốp niêm phong bên ngoài có ghi số 1155/24, có vân tay, chữ ký tên Nguyễn Đình T, hình dấu mộc Công an P1, quận G và chữ ký của thiếu tá Trần Đình H5 – cán bộ thuộc Cơ quan CSĐT Công an T và 01 thùng xốp niêm phong bên ngoài có ghi số vụ 1155/24, có vân tay, chữ ký tên Nguyễn Đình T, hình dấu mộc Công an P1, quận G và chữ ký của thiếu tá Trần Đình H5 – cán bộ thuộc Cơ quan CSĐT Công an T.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax, imei: 353074119506416 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, imei 1: 865892040472098, số imei 2: 865892040472080.

- Trả lại cho bà Đỗ Thị S1 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave đỏ đen xám, biển số 76U1-165.84, số máy: 1070292, số khung: 057075, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 196/BB/2026 ngày 12/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Cơ quan CSĐTCATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hiếu Hạnh